TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-10-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Đức

Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Huy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2019 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Tuấn H kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do hai bên tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến cự cãi. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Ngoài ra, anh H thường xuyên ghen tuông, đánh đập chị. Từ tháng 3 năm 2018 thì hai bên đã chính thức sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân với nhau thì hai bên đã không còn liên lạc để hàn gắng tình cảm và cũng không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định đã không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Tuấn H.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Hoài N, sinh ngày 19/9/2007 hiện đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trần Tuấn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N đối với anh Trần Tuấn H. Giao con chung là Trần Hoài N, sinh ngày 19/9/2007 cho anh Trần Tuấn H tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Tuấn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Đỗ Thị N và anh Trần Tuấn H kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, yêu cầu của chị N được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay thì chị N xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắng tình cảm nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh H đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, theo xác minh tại địa phương thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã có phát sinh nhiều mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã tồn tại nhưng vợ chồng không khắc phục được. Chính vì vậy, chị N và anh H đã chính thức sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì hai bên đã không còn liên lạc với nhau để hàn gắng tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các thành viên trong gia đình. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trong quá trình chung sống với nhau, chị N và anh H có 01 con chung là Trần Hoài N, sinh ngày 19/9/2007 hiện đang sống cùng với anh H. Khi ly hôn, chị N đồng ý để anh H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cần pH xem xét mọi mặt về quyền lợi của con. Hiện tại con chung của chị N và anh H đang sống với anh H, có cuộc sống và sinh hoạt ổn định. Hơn nữa, tại biên bản hỏi ý kiến thì cháu Trần Hoài N có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho anh Trần Tuấn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sẽ đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị N về việc đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Tuấn H mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) đến khi con chung Trần Hoài N tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 21/10/2019.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình và vụ án liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Đỗ Thị N có nghĩa vụ chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Trần Tuấn H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hoài N, sinh ngày 19/9/2007 cho anh Trần Tuấn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Đỗ Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Tuấn H mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) đến khi con chung Trần Hoài N tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 21/10/2019.

Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình và vụ án liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N pH nộp 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002017 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Đỗ Thị N còn pH chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Tuấn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Văn Đức **Trịnh Thị Hồng Thắm** **Phạm Văn Long**